TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Quang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 16/4/2008)
Ông Nguyễn Hữu Phẩm	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31/1/2008)
Ông Vũ Quang Nam	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31/1/2008, miễn nhiệm ngày 16/4/2008)
Ông Vũ Quang Nam	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 31/1/2008, miễn nhiệm ngày 28/5/2008)
Ông Lương Nguyễn Khoa Trường	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 28/5/2008)
Ông Nguyễn Văn Lụa	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 10/8/2008, miễn nhiệm ngày 01/01/2009)
Ông Lê Công Thanh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 10/8/2008)
Ông Trần Quốc Việt	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 10/8/2008)
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01/01/2009)

Ban Giám đốc

Ông Lương Nguyễn Khoa Trường	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/4/2008)
Ông Bùi Ngọc Quang	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16/4/2008)
Ông Nguyễn Văn Lụa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14/8/2008)
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/1/2006)
Ông Phạm Xuân Toàn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30/8/2007)
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03/9/2008)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

S.Đ.K.K.D: 0103009579 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Lương Nguyễn Khoa Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Số 8-Phạm Ngọc Thạch,Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84-4 3852 4123
Fax: +84-4 3852 4143
www.deloitte.com/vn

Số: 188 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ những hạn chế phạm vi kiểm toán trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến một số vấn đề sau:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11, từ ngày 24/04/2008, tỷ lệ vốn góp thực tế của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần CNG Việt Nam giảm xuống tới mức Tổng Công ty không còn nắm quyền kiểm soát mà chỉ có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần CNG Việt Nam. Tại thời điểm này Công ty Cổ phần CNG Việt Nam không lập báo cáo tài chính. Theo đó, Tổng Công ty không có cơ sở để xác định lợi nhuận (lỗ) thuần từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần CNG Việt Nam cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 24/04/2008 trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008. Khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu căn cứ vào tỷ lệ sở hữu thực tế của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2008 là 27%.

Kiểm toán • Tư vấn Thuế • Tư vấn Tài chính • Tư vấn Giải pháp •

Thành viên
Deloitte Touche Tohmatsu

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17, Tổng Công ty đã phân loại một phần chi phí quản lý doanh nghiệp sang chi phí tài chính với giá trị 2.861.244.151 đồng (năm 2007 là 2.262.213.662 đồng). Tổng Công ty xác định khoản phân loại này theo tỷ lệ 5% (năm 2007 là 7%) trên phần lãi được hưởng theo tỷ lệ vốn góp được chia từ Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam căn cứ vào quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23, Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố đối với khoản lợi nhuận tạm phân phối từ Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam với số tiền là 2.500.000 USD (tương đương 40.335.833.928 đồng) đã được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính năm 2007 trên cơ sở Quyết định tạm chia lãi liên doanh của Hội đồng Quản trị công ty liên doanh ngày 7/1/2008 trong đó ghi hiệu lực là ngày 31/12/2007. Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, khoản lợi nhuận được phân phối từ liên doanh này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi công ty có quyền được nhận (tháng 1/2008). Theo đó, các khoản phải thu khác và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2007, doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận trước thuế cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty giảm đi với số tiền 40.335.833.928 đồng.

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0910/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2009
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	**100**		**250.329.331.268**	**211.161.447.661**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4	**13.587.140.702**	**66.552.738.277**
1. Tiền	111		13.587.140.702	60.552.738.277
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**131.550.906.991**	**114.939.898.521**
1. Phải thu khách hàng	131		96.774.191.423	80.966.666.879
2. Trả trước cho người bán	132		27.578.616.041	6.885.036.952
3. Các khoản phải thu khác	135	5	20.397.575.239	36.196.788.585
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(13.199.475.712)	(9.108.593.895)
III. Hàng tồn kho	**140**	**6**	**94.045.727.492**	**23.548.162.202**
1. Hàng tồn kho	141		96.242.824.914	23.548.162.202
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.197.097.422)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**11.145.556.083**	**6.120.648.661**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.474.558.226	946.091.079
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.952.211.694	2.412.338.094
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		107.719.465	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.611.066.698	2.762.219.488
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	**200**		**146.409.385.777**	**98.567.590.193**
I. Tài sản cố định	**220**		**20.826.222.074**	**25.457.731.836**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	20.817.544.945	24.591.393.198
- Nguyên giá	222		68.155.241.017	67.574.969.564
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(47.337.696.072)	(42.983.576.366)
2. Tài sản cố định vô hình	227		8.677.129	72.243.562
- Nguyên giá	228		128.000.000	208.664.629
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(119.322.871)	(136.421.067)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	-	794.095.076
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**125.187.619.703**	**72.826.423.344**
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		115.187.619.703	72.826.423.344
1.1 Đầu tư vào công ty liên doanh		*10*	*99.469.683.670*	*72.826.423.344*
1.2 Đầu tư vào công ty liên kết		*11*	*15.717.936.033*	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	10.000.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**395.544.000**	**283.435.013**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	262.670.013
2. Tài sản dài hạn khác	268		395.544.000	20.765.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**396.738.717.045**	**309.729.037.854**

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**161.363.093.395**	**112.731.584.521**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**160.987.695.896**	**112.425.462.611**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	73.270.455.111	23.895.457.784
2. Phải trả người bán	312		21.501.499.922	11.416.385.118
3. Người mua trả tiền trước	313		3.510.803.451	8.845.377.335
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		829.480.255	768.781.167
5. Phải trả người lao động	315		6.807.575.632	6.392.207.071
6. Chi phí phải trả	316		112.618.258	285.741.013
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	54.955.263.267	60.821.513.123
II. Nợ dài hạn	**330**		**375.397.499**	**306.121.910**
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		375.397.499	306.121.910
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	**400**		**235.375.623.650**	**193.688.292.831**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	15	**236.265.155.149**	**193.315.480.703**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		145.199.980.000	120.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		803.522.572	299.620.198
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.071.337.041	4.071.337.041
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.997.997.924	1.017.834.260
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		83.192.317.612	67.926.689.204
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**(889.531.499)**	**372.812.128**
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(891.230.499)	304.913.128
2. Nguồn kinh phí	432		1.699.000	67.899.000
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**439**		**-**	**3.309.160.502**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	**440**		**396.738.717.045**	**309.729.037.854**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2008	31/12/2007
1. Nợ khó đòi đã xử lý	644.135.000	25.000.000
2. Ngoại tệ các loại (USD)	118.434,83	455.123,61

Lương Nguyễn Khoa Trường
Tổng Giám đốc

Đinh Thị Thủy
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	418.825.109.726	333.022.321.426
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	(2.382.730.180)	(8.520.871.147)
3. Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	16	**416.442.379.546**	**324.501.450.279**
4. Giá vốn hàng bán	11		321.396.604.201	242.743.596.260
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**95.045.775.345**	**81.757.854.019**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.300.957.377	312.983.589
7. Chi phí tài chính	22	17	12.503.124.155	13.050.799.607
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*4.957.029.187*	*1.099.153.083*
8. Chi phí bán hàng	24		58.082.211.909	54.947.294.642
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		49.751.235.029	25.804.468.512
10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	**30**		**(19.989.838.371)**	**(11.731.725.153)**
11. Thu nhập khác	31	18	2.101.306.972	2.143.429.436
12. Chi phí khác	32	18	1.627.405.635	24.906.121.382
13. Lợi nhuận (lỗ) khác (40=31-32)	**40**	18	**473.901.337**	**(22.762.691.946)**
14. Lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	**45**		**89.854.259.747**	**76.972.486.575**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	**50**		**70.338.322.713**	**42.478.069.476**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.173.042.690	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	**60**		**69.165.280.023**	**42.478.069.476**
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		-	(470.173.504)
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty Mẹ	62		69.165.280.023	42.948.242.980
19. Lãi trên cổ phiếu	**70**	19	**5.710**	**3.556**

Lương Nguyễn Khoa Trường
Tổng Giám đốc

Đinh Thị Thủy
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	478.001.132.131	278.500.360.879
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(426.848.218.395)	(227.328.739.271)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(34.267.807.598)	(33.844.936.743)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.350.875.642)	(1.259.283.484)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(423.417.674)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	389.146.405.564	71.685.402.424
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(518.175.157.510)	(123.179.238.123)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(116.917.939.124)**	**(35.426.434.318)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(526.130.226)	(3.182.804.860)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	31.941.227	55.633.333
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(44.585.772.477)	(9.792.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	70.168.428.757	67.742.054.440
5. Chuyển từ công ty con thành công ty liên kết	(*)	(11.016.964.603)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**14.071.502.678**	**54.822.882.913**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	29.471.791.501	13.570.320.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	140.750.417.023	35.945.591.607
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(97.505.169.309)	(19.079.669.941)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.893.232.728)	(2.933.728.621)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**49.823.806.487**	**27.502.513.045**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**(53.022.629.959)**	**46.898.961.640**
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	**60**	**66.552.738.277**	19.643.350.973
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	57.032.384	10.425.664
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	**70**	**13.587.140.702**	**66.552.738.277**

(*) Lưu chuyển tiền âm từ hoạt động đầu tư do chuyển từ công ty con thành công ty liên kết thể hiện số dư tiền và tương đương tiền tại 31/12/2007 của Công ty Cổ phần CNG được giảm đi do thay đổi phương pháp kế toán đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần CNG từ phương pháp hợp nhất toàn bộ đối với công ty con thành phương pháp vốn chủ sở hữu đối với công ty liên kết.

S.Đ.K.K.D: 0103009579-C.T.C.P TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ -CTCP Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Lương Nguyễn Khoa Trường
Tổng Giám đốc

Đinh Thị Thủy
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1544/QĐ-TCCB ngày 28 tháng 4 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí, là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103009579 ngày 18 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tổng Công ty đã thực hiện niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (ngày giao dịch đầu tiên 15/11/2007) căn cứ vào Quyết định chấp thuận niêm yết số 313/QĐ-TTGDHN do Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 08/11/2007.

Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Đăng ký thay đổi lần 6 ngày 13/02/2009 đối với Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103009579 ngày 18/10/2005 với vốn điều lệ là 145.199.980.000 đồng, tổng số cổ phần là 14.519.998 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Số cổ phần đã đăng ký mua là 11.978.636 cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - cổ đông Nhà nước nắm giữ 10.780.773 cổ phần tương ứng với 107.807.730.000 đồng, chiếm 74,25% vốn điều lệ.
- Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí nắm giữ 1.197.863 cổ phần tương ứng với 11.978.630.000 đồng, chiếm 8,25% vốn điều lệ

Tại thời điểm 31/12/2008, Tổng Công ty có 04 đơn vị trực thuộc và 04 Công ty con, bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí tại Vũng Tàu.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí tại Yên Viên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí tại Quảng Ngãi;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí tại Phú Mỹ;
- Công ty TNHH một thành viên DMC Yên Viên;
- Công ty TNHH một thành viên DMC Hà Nội;
- Công ty TNHH một thành viên DMC Vũng Tàu (đã được đổi tên thành Công ty TNHH một thành viên Hóa phẩm Dầu khí Miền Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 01 ngày 30/12/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 30/12/2008);
- Công ty TNHH một thành viên DMC Quảng Ngãi (đã được đổi tên thành Công ty TNHH một thành viên Hóa phẩm Dầu khí Miền Trung theo Quyết định số 1107/QĐ-DMC ngày 25/12/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty).

Các Chi nhánh nêu trên đã có quyết định giải thể trong quý I/2008 nhưng vẫn tồn tại trên danh nghĩa tại ngày 31/12/2008 do chưa thực hiện xong các thủ tục quyết toán với cơ quan thuế. Công ty TNHH một thành viên DMC Yên Viên đã có quyết định sáp nhập vào Công ty TNHH một thành viên DMC Hà Nội ngày 20/03/2008 nhưng vẫn tồn tại trên danh nghĩa tại ngày 31/12/2008 do chưa thực hiện xong các thủ tục quyết toán với cơ quan thuế.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 172 người (năm 2007: 656 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh các loại phân bón sản xuất trong và ngoài nước;
- Kinh doanh hóa chất, hóa phẩm, nguyên vật liệu và các thiết bị tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, tồn chứa, chế biến dầu khí và các ngành kinh tế;
- Xuất nhập khẩu hóa chất, hóa phẩm, thiết bị, nguyên liệu, vật tư phục vụ cho ngành công nghiệp dầu khí, phục vụ xử lý, chống ô nhiễm môi trường và các ngành công nghiệp khác;
- Nghiên cứu chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ dung dịch khoan, dịch vụ hoàn thiện và sửa chữa giếng khoan dầu khí, xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu và các dịch vụ kỹ thuật dầu khí khác;
- Khai thác mỏ và sản xuất, mua bán khoáng sản trong và ngoài nước; kinh doanh thiết bị, máy móc phục vụ cho ngành khai thác khoáng sản và các ngành công nghiệp khác; và
- Kinh doanh phụ gia cho dung dịch khoan.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20
Máy móc, thiết bị	5 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8
Tài sản khác	5 - 20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình gồm phần mềm chuyển đổi đơn vị quốc tế và phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 - 3 năm.

Đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính riêng biệt của nhà đầu tư.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất 28%. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong vòng 2 năm, kể từ ngày 1/1/2006. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Tại ngày 31/12/2008, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu và do đó, không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Tiền mặt	2.199.438.017	1.921.140.612
Tiền gửi ngân hàng	11.387.702.685	58.631.597.665
Các khoản tương đương tiền	-	6.000.000.000
	13.587.140.702	**66.552.738.277**

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam	17.387.834.233	32.177.166.072
Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An	2.000.000.000	2.500.000.000
Các khoản phải thu khác	1.009.741.006	1.519.622.513
	20.397.575.239	**36.196.788.585**

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	3.562.548.990
Nguyên liệu, vật liệu	11.276.033.061	7.017.332.576
Công cụ, dụng cụ	1.623.363.463	884.242.649
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	663.032.702	346.903.510
Thành phẩm	7.025.463.383	3.016.055.081
Hàng hóa	5.957.158.227	1.039.357.123
Hàng gửi đi bán	69.697.774.078	7.681.722.273
Tổng cộng	**96.242.824.914**	**23.548.162.202**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.197.097.422)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	**94.045.727.492**	**23.548.162.202**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2008	**28.883.544.684**	**17.608.595.951**	**3.554.156.975**	**16.511.808.188**	**1.016.863.766**	**67.574.969.564**
Tăng trong năm	**332.845.047**	**642.263.183**	**775.190.330**	**2.130.874.671**	**1.376.606.437**	**5.257.779.668**
Mua trong năm	-	22.500.000	734.829.250	1.059.366.889	-	1.816.696.139
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	289.869.647	619.763.183	-	-	-	909.632.830
Tăng do mua, nhận điều chuyển nội bộ Tập đoàn	42.975.400	-	40.361.080	1.071.507.782	-	1.154.844.262
Phân loại lại	-	-	-	-	1.376.606.437	1.376.606.437
Giảm trong năm	**1.193.382.233**	**524.013.540**	**359.546.573**	**2.600.565.869**	-	**4.677.508.215**
Giảm do bán, điều chuyển nội bộ Tập đoàn	42.975.400	-	40.361.080	1.241.746.294	-	1.325.082.774
Phân loại lại	928.539.794	105.463.540	-	342.603.103	-	1.376.606.437
Thanh lý, nhượng bán	-	418.550.000	163.550.717	136.854.410	-	718.955.127
Giảm khác	221.867.039	-	155.634.776	879.362.062	-	1.256.863.877
Tại ngày 31/12/2008	**28.023.007.498**	**17.726.845.594**	**3.969.800.732**	**16.042.116.990**	**2.393.470.203**	**68.155.241.017**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại ngày 01/01/2008	**16.887.237.524**	**11.848.567.051**	**2.714.353.089**	**10.867.206.565**	**666.212.137**	**42.983.576.366**
Tăng trong năm	**1.828.600.729**	**1.253.386.267**	**497.547.577**	**1.627.659.794**	**781.636.276**	**5.988.830.643**
Trích khấu hao trong năm	1.792.310.387	1.253.386.267	470.877.161	1.124.805.384	468.768.610	5.110.147.809
Tăng do mua, nhận điều chuyển nội bộ Tập đoàn	36.290.342	-	26.670.416	502.854.410	-	565.815.168
Phân loại lại	-	-	-	-	312.867.666	312.867.666
Giảm trong năm	**248.343.850**	**192.800.989**	**255.333.958**	**938.232.140**	-	**1.634.710.937**
Giảm do bán, điều chuyển nội bộ Tập đoàn	36.290.342	-	26.670.416	673.092.922	-	736.053.680
Phân loại lại	195.489.779	18.405.151	-	98.972.736	-	312.867.666
Thanh lý, nhượng bán	-	174.395.838	80.409.089	136.854.410	-	391.659.337
Giảm khác	16.563.729	-	148.254.453	29.312.072	-	194.130.254
Tại ngày 31/12/2008	**18.467.494.403**	**12.909.152.329**	**2.956.566.708**	**11.556.634.219**	**1.447.848.413**	**47.337.696.072**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2008	**9.555.513.095**	**4.817.693.265**	**1.013.234.024**	**4.485.482.771**	**945.621.790**	**20.817.544.945**
Tại ngày 31/12/2007	**11.996.307.160**	**5.760.028.900**	**839.803.886**	**5.644.601.623**	**350.651.629**	**24.591.393.198**

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2008 là 20.393.590.720 đồng (tại ngày 31/12/2007: 17.743.086.210 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tại ngày 1 tháng 1	794.095.076	4.208.146.894
Tăng thêm trong năm	426.598.634	1.981.474.495
- Chi phí phát sinh	*426.598.634*	*1.981.474.495*
Giảm trong năm	1.220.693.710	5.395.526.313
- Kết chuyển sang tài sản cố định	*909.632.830*	*86.109.462*
- Kết chuyển sang chi phí khác	*57.075.000*	*5.281.452.316*
- Khác	*253.985.880*	*27.964.535*
Tại ngày 31 tháng 12	**-**	**794.095.076**

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2008 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV DMC Vũng Tàu	Vũng Tàu	100	100	Kinh doanh dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí
Công ty TNHH MTV DMC Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	100	100	
Công ty TNHH MTV DMC Hà Nội	Hà Nội	100	100	

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Đầu tư vào công ty liên doanh phản ánh giá trị vốn góp vào Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam với tỷ lệ vốn góp là 50%.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) kiểm toán. Số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam đã sử dụng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được quy đổi từ gốc USD theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31/12/2007 và 31/12/2008.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên doanh của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2008 USD	31/12/2007 USD	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Vốn chủ sở hữu	939.106,00	939.106,00	15.943.202.562	15.132.754.084
Quỹ dự phòng tài chính	234.776,50	234.776,50	3.985.800.641	3.783.188.521
Lợi nhuận chưa phân phối	10.544.287,22	7.865.018,25	179.010.364.134	126.736.904.081
Tài sản thuần	11.718.169,72	9.038.900,75	198.939.367.337	145.652.846.686
Tỷ giá			16.977	16.114
Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh Dung dịch Khoan M-I Việt Nam	5.859.084,86	4.519.450,00	99.469.683.670	72.826.423.344

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH (Tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 USD	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 USD	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.727.667,89	9.553.492,19	182.123.617.769	153.944.973.150
Tỷ giá			16.977	16.114
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Dung dịch Khoan M-I Việt Nam	5.363.833,95	4.776.746,10	91.061.808.885	76.972.486.575

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh tổng giá trị vốn góp vào Công ty Cổ phần CNG Việt Nam tại ngày 31/12/2008 với tỷ lệ vốn góp là 27%. Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được thành lập và hoạt động tại Bà Rịa, Vũng Tàu với hoạt động chính là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên, có thời hạn hoạt động là 20 năm từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư (28/5/2007).

Tại ngày 31/12/2007, tỷ lệ vốn góp thực tế của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần CNG Việt Nam là 72,16%. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam cho kỳ hoạt động đầu tiên từ ngày 27/5/2007 đến ngày 31/12/2007 đã được hợp nhất toàn bộ vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 của Tổng Công ty.

Trong năm 2008, Tổng Công ty đã thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần CNG Việt Nam với tổng số tiền 8.352.000.000 đồng.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Tổng tài sản	97.420.696.216	-
Tổng công nợ	36.381.788.763	-
Tài sản thuần	61.038.907.453	-
Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (*)	15.717.936.033	-

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 VND
Doanh thu	7.866.382.436	-
Lợi nhuận (Lỗ) thuần	(4.472.404.214)	-
Lợi nhuận (Lỗ) thuần từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (**)	(1.207.549.138)	-

Từ ngày 24/04/2008, tỷ lệ vốn góp thực tế của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần CNG Việt Nam giảm xuống tới mức Tổng Công ty không còn nắm quyền kiểm soát mà chỉ có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần CNG Việt Nam. Tại thời điểm này Công ty Cổ phần CNG Việt Nam không lập báo cáo tài chính. Theo đó, Tổng Công ty không có cơ sở để xác định lợi nhuận (lỗ) thuần từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần CNG Việt Nam cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 24/04/2008 trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

(*) Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần CNG Việt Nam tại ngày 31/12/2008 được xác định trên cơ sở 72,16% của giá trị tài sản thuần tại ngày 31/12/2007 và 27% tổng biến động giá trị tài sản thuần trong năm 2008 của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam.

(**) (Lỗ) thuần từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần CNG Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được xác định trên cơ sở tỷ lệ góp vốn thực tế của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2008 là 27%.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2008 phản ánh giá trị vốn đã góp vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (PVB) với tỷ lệ vốn góp thực tế tại ngày 31/12/2008 là 18,5%. Theo phê duyệt tại Nghị quyết số 204B/NQ-DMC ngày 31/01/2008 của Đại hội đồng cổ đông, tổng số vốn dự định góp là 40,5 tỷ đồng, tương đương 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu sinh học Dầu khí.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

		31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Ba Đình	(i)	22.250.064.042	23.895.457.784
Sở giao dịch III - Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam	(ii)	25.298.394.229	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	(iii)	10.822.184.734	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	(iv)	14.896.159.086	-
Khác		3.653.020	-
		73.270.455.111	**23.895.457.784**

(i) Vay ngắn hạn Chi nhánh Ngân hàng Công thương Ba Đình phản ánh các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2008/HĐTD ngày 20/03/2008 với hạn mức tín dụng là 7 tỷ đồng và 897.400 USD, thời hạn vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày rút vốn đến khi trả nợ. Lãi suất cho vay áp dụng đối với VND là 15,6%/năm và USD là 7,2%/năm tại thời điểm ký hợp đồng. Lãi suất cho vay thực tế được xác định cụ thể cho từng khế ước nhận nợ, phù hợp với chính sách lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(ii) Vay ngắn hạn Sở Giao dịch III - Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam phản ánh các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2436791/2008/ HĐTDHM ngày 05/9/2008 với hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng, thời hạn rút vốn tối đa là 12 tháng từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay của từng khoản vay là 06 tháng. Lãi suất cho vay thực tế được xác định cho từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội phản ánh khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 492/08.LTT/TM 325/888666/01 ngày 17/12/2008 với số tiền 637.461,55 USD, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất cố định 7,5% và không vượt quá lãi suất cho vay tối đa (150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố từng thời kỳ).

(iv) Vay ngắn hạn Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí phản ánh các khoản vay từ nguồn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo 02 hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 37/HM/PV-DMC/PVFC08 ngày 25/06/2008 với hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng, thời hạn cho vay 06 tháng từ ngày giải ngân lần đầu tiên, thời hạn cho vay của mỗi khế ước được xác định theo từng khế ước cụ thể, lãi suất cho vay là 8,8% tại thời điểm ký hợp đồng và đã được điều chỉnh là 6,8% cho kỳ tính lãi đến 31/12/2008 theo thông báo điều chỉnh lãi suất ngày 14/01/2009. Thời hạn thanh toán theo khế ước nhận nợ đối với số dư các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2008 là 25/12/2008.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 23/HM/PV-DMC/PVFC08 ngày 21/04/2008 với hạn mức tín dụng là 5 tỷ đồng, thời hạn cho vay đến 31/12/2008, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng áp dụng cho kỳ tính lãi đến trước 30/06/2008 là 6,8% và từ 30/06/2008 đến 31/12/2008 là 8,8% và đã được điều chỉnh là 6,8% cho kỳ tính lãi đến 31/12/2008 theo thông báo điều chỉnh lãi suất ngày 14/01/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay nêu trên được sử dụng để mua nguyên vật liệu, thanh toán chi phí vận chuyển, các chi phí khác, bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng tín chấp.

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Công ty Liên doanh Dung dịch Khoan M-I Việt Nam	44.347.517.891	29.739.256.946
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	9.063.782.584	28.055.436.515
Phải trả, phải nộp khác	1.543.962.792	3.026.819.662
	54.955.263.267	**60.821.513.123**

Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại 31/12/2008 gồm số phải trả về tiền cổ tức 2007 là 8.909.730.000 đồng.

Phải trả Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam phản ánh khoản tiền được Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam chuyển cho Tổng Công ty để nhập khẩu hóa chất theo thỏa thuận giữa hai bên ký ngày 30/7/2007. Sau khi bán hàng cho các đối tác khác, Tổng Công ty sẽ phải hoàn trả lại cho Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam khoản tiền ứng trước này kèm theo phí quản lý được tính bằng chênh lệch giữa giá bán cho khách hàng với số tổng cộng của giá gốc hàng nhập khẩu (đã bao gồm thuế GTGT) và phí dịch vụ của Công ty.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Tại ngày 31/12/2006	**120.000.000.000**	**289.362.037**	**3.567.583.202**	**891.895.801**	**45.452.771.730**
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	42.948.242.980
Tăng khác	-	10.258.161	-	-	-
Chia cổ tức 2006	-	-	-	-	(19.200.000.000)
Trích các quỹ 2006	-	-	503.753.839	125.938.459	(1.259.384.597)
Giảm khác	-	-	-	-	(14.940.909)
Tại ngày 31/12/2007	**120.000.000.000**	**299.620.198**	**4.071.337.041**	**1.017.834.260**	**67.926.689.204**
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	69.165.280.023
Tăng khác	-	506.530.299	-	-	-
Chia cổ tức 2007	25.199.980.000	-	-	-	(37.199.980.000)
Trích các quỹ 2007	-	-	-	2.000.000.000	(8.632.840.000)
Giảm khác	-	(2.627.925)	-	(19.836.336)	(8.066.831.615)
Tại ngày 31/12/2008	**145.199.980.000**	**803.522.572**	**4.071.337.041**	**2.997.997.924**	**83.192.317.612**

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2007 cho cổ đông theo Nghị quyết số 825B/NQ-DMC của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/5/2008 và Quyết định số 500/QĐ-DMC ngày 09/9/2008 của Hội đồng Quản trị về việc trích lập các quỹ và chia cổ tức 2007:

- Cổ tức được chia là 37.199.980.000 đồng, trong đó trả bằng cổ phiếu là 25.199.980.000 đồng;
- Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi được trích là 2.400.000.000 đồng và 4.022.840.000 đồng;
- Quỹ dự phòng tài chính được trích là 2.000.000.000 đồng;
- Quỹ thưởng Ban Điều hành được trích là 210.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Số dư lũy kế đến 31/12/2007 và tăng khác về chênh lệch tỷ giá trong năm 2008 bao gồm phần sở hữu của Tổng Công ty trong biến động về vốn đầu tư của chủ sở hữu và quỹ dự phòng tài chính của Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam từ ngày 01/01/2005 đến ngày 31/12/2007 và trong năm 2008 do thay đổi tỷ giá áp dụng để quy đổi từ USD sang VND tại ngày 31/12 hàng năm trên báo cáo tài chính của Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam (giá trị bằng USD không thay đổi).

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Quyết định số 1544/QĐ-TCCB ngày 28 tháng 4 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc Phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí thành Công ty cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 120.000.000.000 đồng, trong đó:

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - cổ đông Nhà nước nắm giữ 6.120.000 cổ phần tương ứng với 61.200.000.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 5.880.000 cổ phần tương ứng với 58.800.000.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Theo kết quả bán cổ phần lần đầu của Tổng Công ty, tổng số cổ phần bán được là 2.100.300 cổ phần tương ứng với 21.003.000.000 đồng, tại thời điểm 31/12/2006:

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - cổ đông Nhà nước nắm giữ 9.899.700 cổ phần tương ứng với 98.997.000.000 đồng, chiếm 82,5% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 2.100.300 cổ phần tương ứng với 21.003.000.000 đồng, chiếm 17,5% vốn điều lệ.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng trong năm do chia cổ tức 2007 bằng cổ phiếu (tương đương 21% vốn điều lệ). Số cổ phần phát hành thêm là 2.519.998 cổ phần.

Theo kết quả chào bán cổ phần Nhà nước của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2008, tổng số cổ phần mà Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã bán cho các cổ đông khác là 2.573.270 cổ phần, tương ứng với 25.732.700.000 đồng.

Tại ngày 31/12/2008:

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - cổ đông Nhà nước nắm giữ 9.197.473 cổ phần tương ứng với 91.974.730.000 đồng, chiếm 63,34% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 5.322.525 cổ phần tương ứng với 53.225.250.000 đồng, chiếm 36,66% vốn điều lệ.

16. DOANH THU

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**418.825.109.726**	**333.022.321.426**
+ Doanh thu bán hàng	413.794.478.200	322.411.908.620
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.030.631.526	10.610.412.806
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(2.382.730.180)**	**(8.520.871.147)**
+ Giảm giá hàng bán	-	(190.369.626)
+ Hàng bán bị trả lại	(2.367.890.334)	(8.330.501.521)
+ Thuế xuất khẩu	(14.839.846)	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**416.442.379.546**	**324.501.450.279**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí lãi vay	4.957.029.187	1.099.153.083
Chi phí quản lý phân bổ cho hoạt động liên doanh (*)	2.861.244.151	2.262.213.662
Tiền lương hoạt động liên doanh	1.614.593.093	8.239.181.764
Khác	3.070.257.724	1.450.251.098
	12.503.124.155	**13.050.799.607**

(*) Tổng Công ty đã phân loại một phần chi phí quản lý doanh nghiệp sang chi phí tài chính với giá trị 2.861.244.151 đồng (năm 2007 là 2.262.213.662 đồng). Tổng Công ty xác định khoản phân loại này theo tỷ lệ 5% (năm 2007 là 7%) trên phần lãi được hưởng theo tỷ lệ vốn góp được chia từ Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam căn cứ vào quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

18. LỢI NHUẬN (LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	454.733.214	1.161.515.151
Các khoản thu khác	1.646.573.758	981.914.285
Thu nhập khác	**2.101.306.972**	**2.143.429.436**
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	331.045.790	21.291.401.253
Các khoản chi khác	1.296.359.845	3.614.720.129
Chi phí khác	**1.627.405.635**	**24.906.121.382**
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác	**473.901.337**	**(22.762.691.946)**

19. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông Công ty Mẹ	69.165.280.023	42.948.242.980
Trừ: Thu nhập từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	*(405.911.279)*	*(279.745.311)*
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	68.759.368.744	42.668.497.669
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân	12.041.311	12.000.000
Lãi trên cổ phiếu	**5.710**	**3.556**

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	254.096.088	72.420.148

Chi phí thuê hoạt động trong năm 2008 bao gồm khoản tiền thuê đất 2007 phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền 72.420.088 đồng (tiền thuê đất 2006 là 72.420.148 đồng đã được phản ánh vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007) và khoản tiền thuê văn phòng tại Hoàng Quốc Việt từ ngày 01/7/2008 đến 30/9/2008 với số tiền 181.676.000 đồng.

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2008 USD	31/12/2007 USD
Trong vòng một năm	144.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	216.000	-
	360.000	**-**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 900m^2 tại số 32-34 Ngõ Thái Thịnh II, P. Thịnh Quang, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội để làm trụ sở Tổng Công ty với giá thuê 12.000 USD/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 03 năm tính từ 01/02/2009, tiền thuê được thanh toán 6 tháng/lần.

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ		
Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam	113.449.386.699	27.626.027.178
Công ty Đầu tư Phát triển Dầu khí (PIDC)	-	24.912.374.783
Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro	25.842.174.674	11.712.382.533
Tổng Công ty Thương mại Dầu khí - PETECHIM	1.590.909.091	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.136.761.904	-
Tổng Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí - CTCP	10.223.113.287	3.943.351.818
Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ		
Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam	26.547.733.520	33.454.107.709
Tổng Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí - CTCP	452.380.952	66.180.952.381
Tổng Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí - CTCP	19.666.666.667	-
Góp vốn vào công ty con, liên kết		
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	8.352.000.000	9.792.000.000
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí		
Gốc vay nhận được	54.896.159.086	-
Gốc vay đã trả	40.000.000.000	-
Lãi vay phải trả	1.761.049.794	-
Lãi vay đã trả	2.227.935.694	-

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Các khoản phải thu		
Phải thu về bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ		
Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam	6.344.353.570	14.842.349.926
Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro	3.256.446.268	5.610.597.951
Tổng Công ty Thương mại Dầu khí - PETECHIM	-	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Dầu khí Hà Nội	391.400.000	-
Công ty CP Xây dựng Dầu Khí Nghệ An	533.850.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Dầu khí Miền Trung	55.000.000	-
Tổng Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí - CTCP	722.475.800	-
Phải thu khác		
Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam	17.387.834.233	72.513.000.000
Tổng Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí - CTCP	-	536.095.238
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	466.885.900	-
Công ty TNHH MTV CLB Bóng chuyền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	26.346.546	-
Các khoản phải trả		
Người mua trả trước		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	290.000.000	290.000.000
Công ty Đầu tư Phát triển Dầu khí - PIDC	2.691.107.457	5.777.109.070
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân bón và Hóa chất Dầu khí	15.600.000.000	-
Phải trả người bán		
Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam	5.905.743.292	241.896.761
Phải trả khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	9.063.782.584	28.126.786.515
Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam	44.347.517.891	29.739.256.946
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	14.896.159.086	-

22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 09/01/2009, Tổng Công ty đã ký Biên bản thỏa thuận với Công ty VTS Group về việc "Thống nhất thành lập Công ty Cổ phần DMC - VTS để thực hiện Dự án Tìm kiếm, thăm dò và khai thác, chế biến khoáng sản Barite tại bản Pha Kát, huyện Vilabouli, tỉnh Savanakhẹt, CHDCND Lào". Theo đó, hai bên sẽ hợp tác thành lập Công ty Cổ phần DMC - VTS với vốn điều lệ là 1.000.000 USD, Tổng Công ty góp 600.000 USD và Công ty VTS Group góp 400.000 USD (tương đương 60% và 40% vốn điều lệ). Tổng Công ty là đơn vị duy nhất bao tiêu toàn bộ sản phẩm của Dự án.

Ngày 22/01/2009, Tổng Công ty đã ký Thỏa thuận hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn PPNK (Viêng-Chăn, CHDCND Lào) về việc thành lập Công ty Năng lượng và Khoáng sản Dầu khí Lào-Việt (Công ty TNHH 2 thành viên) để tìm kiếm, thăm dò, khai thác mỏ thạch cao và các mỏ khác trên lãnh thổ Lào. Vốn điều lệ của Công ty Năng lượng và Khoáng sản Dầu khí Lào Việt là 1.500.000 USD, trong đó Tổng Công ty góp 45% và Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn PPNK góp 55%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại Công văn số 344/DKVN-TCNS ngày 11/02/2009 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã công bố thông tin về việc bán bớt cổ phần của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Tổng Công ty với số lượng 1.206.430 cổ phần. Mục đích của việc chào bán phần vốn Nhà nước là nhằm thay đổi cơ cấu sở hữu cổ phần tại Tổng Công ty, giảm tỷ lệ sở hữu của Nhà nước, nâng cao tính tự chủ cho công ty cổ phần, tăng thêm nguồn vốn quỹ hỗ trợ doanh nghiệp của Tập đoàn, tái đầu tư phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn. Số lượng cổ phần Tập đoàn Dầu khí dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch bán bớt cổ phần là 6.120.000 cổ phần, chiếm 51% Vốn điều lệ (chưa tính 1.871.043 cổ phần được chia cổ tức của năm 2007). Thời gian thực hiện bán cổ phần từ 30/02/2009 đến 30/06/2009.

Ngày 02/03/2009, Liên danh nhà thầu DMC-SEEN-VietNga gồm Tổng Công ty, Công ty Cổ phần Kỹ thuật SEEN và Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Việt Nga đã ký Hợp đồng số 11/HĐKT-DQR SiO_2 với Ban quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất về việc "Thiết kế chi tiết, mua sắm và thi công lắp đặt trạm xử lý SiO_2 nước cấp cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất". Tổng giá trị hợp đồng là 44.733.934.000 đồng. Thời hạn hoàn thành công trình là 22 tuần tính từ ngày hiệu lực của hợp đồng.

Ngày 10/03/2009, Tổng Công ty cùng với Công ty Dung dịch khoan M-I LLC (hai bên góp vốn vào Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam) đã ký thỏa thuận thống nhất gia hạn và/hoặc đăng ký kinh doanh lại đối với Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam khi công ty này kết thúc thời hạn hoạt động theo đăng ký kinh doanh vào ngày 12/08/2011. Hai bên cam kết sẽ hỗ trợ Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam một cách đầy đủ nhất để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên doanh diễn ra liên tục bình thường cho đến và tiếp sau ngày 12/08/2011.

Ngày 12/03/2009, Tổng Công ty đã ký Biên bản ghi nhớ với Công ty Dung dịch khoan M-I LLC để thành lập Công ty TNHH hai thành viên trong đó Tổng Công ty góp 51% và Công ty Dung dịch khoan M-I LLC góp 49% nhằm mục đích tiếp quản hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam do công ty này sẽ chấm dứt thời hạn hoạt động ngày 12/08/2011. Công ty TNHH hai thành viên mới được thành lập này sẽ sẵn sàng đi vào hoạt động trước ngày 28/02/2011. Thời hạn hoạt động của Công ty mới là 10 năm và có thể được gia hạn trên cơ sở đồng thuận của hai bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

	Số báo cáo trước điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND	Chênh lệch VND
Tại ngày 31/12/2007			
Các khoản phải thu khác	76.532.622.513	36.196.788.585	(40.335.833.928)
Lợi nhuận chưa phân phối	108.262.523.132	67.926.689.204	(40.335.833.928)
Năm 2007			
Doanh thu tài chính	40.648.817.517	312.983.589	(40.335.833.928)
Lợi nhuận trước thuế	82.813.903.404	42.478.069.476	(40.335.833.928)
Lợi nhuận thuần sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	83.284.076.908	42.948.242.980	(40.335.833.928)
Lãi trên cổ phiếu	6.917	3.556	(3.361)

Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố đối với khoản lợi nhuận tạm phân phối từ Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam với số tiền 2.500.000 USD (tương đương 40.335.833.928 đồng) đã được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính năm 2007 trên cơ sở Quyết định tạm chia lãi liên doanh của Hội đồng Quản trị công ty liên doanh ngày 7/1/2008 trong đó ghi hiệu lực là ngày 31/12/2007. Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, khoản lợi nhuận được phân phối từ liên doanh này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi Công ty có quyền được nhận (tháng 1/2008). Theo đó, các khoản phải thu khác và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2007, doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận trước thuế cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty giảm đi với số tiền 40.335.833.928 đồng.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.